TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2024/DS-ST
Ngày: 29/7/2024
V/v Tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **NGUYỄN VĂN BỘ** .

2. Ông **TRẦN TRUNG NHÂN**

- Thư ký phiên tòa: Ông **HỨA QUỐC THÁI** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 339/2024/TLST- DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:***

Ông **PHAN VĂN K**, Sinh năm 1963

Địa chỉ: ấp MTB, xã MT, huyện CB, tỉnh TG.

Đại diện ủy quyền cho nguyên đơn: ông **NGUYỄN VĂN T**, Sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ 34, khu 2, thị trấn CB, huyện CB, tỉnh TG.

**** Bị đơn:***

Ông **NGUYỄN VĂN Đ**, sinh năm 1971

Bà **HUỲNH THỊ THU T**, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: ấp MTB, xã MT, huyện CB, tỉnh TG.

(ông T, bà T có mặt tại phiên tòa, ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và các ý kiến trình bày tại Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, đại diện ủy quyền cho nguyên đơn phía ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Vào ngày 27/11/2022, bà Huỳnh Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Đ có vay của nguyên đơn số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất 1,5%/tháng, bà T đại diện xác lập biên nhận, đến ngày 01/2/2023 thì bà T và ông Đ có vay thêm 30.000.000 đồng, bà T đại diện xác lập biên nhận, lãi suất thỏa thuận cũng là 1,5%/tháng, thời hạn vay là 01 tháng. Như vậy tổng số tiền nợ gốc phía bị đơn nợ là 50.000.000 đồng. Đến hạn trả tiền phía nguyên đơn nhiều lần yêu cầu bà T, ông Đ trả vốn, lãi nhưng ông, bà không trả.

Nay phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Huỳnh Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Đ cùng trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 50.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi 1,5%/tháng trên phần nợ gốc 50.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 01/02/2023 đến ngày xét xử tính tròn là 16 tháng, với số tiền lãi là 12.000.000 đồng, như vậy tổng cộng vốn lãi là 62.000.000 đồng, yêu cầu trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà Huỳnh Thị Thu T trình bày:* Bà xác định có xác lập 02 biên nhận nợ và có thỏa thuận lãi suất như nguyên đơn trình bày. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà không có khả năng trả, nay bà đồng ý trả cho ông Kiểm số tiền vốn gốc là 50.000.000 đồng, bà xin miễn trả lãi vì không có khả năng trả, bà xin trả dần số tiền nợ gốc mỗi tháng 3.000.000 đồng, không có khả năng trả 01 lần.

Ông Đ và bà có đăng ký kết hôn, vẫn sống chung gia đình. Ông Đ không biết việc bà vay tiền nên ông không có trách nhiệm trả.

** Theo tờ khai phía bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:* Ông là chồng bà T, hiện vợ chồng sống chung nhà, ông có biết việc vợ ông là bà T có vay tiền ông K nhưng cụ thể bao nhiêu ông không biết. Ông xác định không có trách nhiệm gì trong vụ kiện tranh chấp này, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền cho phía nguyên đơn và bà T vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như trên, còn ông Đ có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng :***

- Phía bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Tranh chấp giữa ông Phan Văn K và ông Nguyễn Văn Đ, bà Huỳnh Thị Thu T là tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại các điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự.

[2] ***Về nội dụng vụ kiện :***

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền cho nguyên đơn xác định yêu cầu như sau:

Nay phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Huỳnh Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Đ cùng trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 50.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi suất theo mức lãi 1,5%/tháng trên phần nợ gốc 50.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 01/02/2023 đến ngày xét xử tính tròn là 16 tháng, với số tiền lãi là 12.000.000 đồng, như vậy tổng cộng vốn lãi là 62.000.000 đồng, yêu cầu trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Còn phía bị đơn bà T xác định bà đồng ý trả cho ông K số tiền vốn gốc là 50.000.000 đồng, bà xin miễn trả lãi vì không có khả năng trả, bà xin trả dần số tiền nợ gốc mỗi tháng 3.000.000 đồng, không có khả năng trả 01 lần. Ông Đ và bà có đăng ký kết hôn, vẫn sống chung gia đình. Ông Đ không biết việc bà vay tiền nên ông không có trách nhiệm trả.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận bởi lẽ nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án 02 biên nhận đề ngày 27/11/2022 và 01/02/2023, tổng cộng 02 biên nhận nợ phía bị đơn xác lập là 50.000.000 đồng, lãi suất 02 bên thỏa thuận là 1,5%/ tháng, bà T cũng xác định có nợ ông Đ theo 02 biên nhận là 50.000.000 đồng nhưng đến nay chưa thanh toán vốn lãi là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù trong 02 biên nhận nợ ông Đ không có ký tên xác lập nhưng trong tờ khai ông Đ cũng xác định có biết việc vợ ông nợ ông K, ông Đ và bà T là vợ chồng có đăng ký kết hôn, mục đích bà T vay tiền cũng dùng chung trong gia đình do đó phía ông Đ phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả phần nợ vốn và lãi cho ông K. Việc

bà T khai nại chỉ đồng ý trả nợ gốc, xin trả dần, xin miễn trả lãi, bà cho rằng ông Đ không biết và không có trách nhiệm cùng bà trả nợ là không có cơ sở nhằm trốn tránh trách nhiệm trả nợ, phía nguyên đơn nhiều lần yêu cầu phía bị đơn hoàn trả lại số tiền còn nợ cho nguyên đơn nhưng đến nay phía bị đơn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, gây thiệt thòi quyền lợi cho phía nguyên đơn. Do đó phía nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn trả phần tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và phía nguyên đơn yêu cầu trả phần tiền lãi suất mức 1,5%/tháng phần nợ gốc 50.000.000 đồng tính từ ngày 01/02/2023 đến ngày xét xử tính tròn là 16 tháng với số tiền lãi là 12.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy phía bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền nợ tổng cộng vốn lãi là 62.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp theo quy định pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] ***Về án phí:***

Bà T và ông Đ có trách nhiệm trả nợ cho ông K nên ông, bà phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 228, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 288, 463, 466, 470, 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào điều 27 của luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn K.

Buộc bà Huỳnh Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Đ cùng trách nhiệm liên đới trả cho ông Phan Văn K số tiền nợ vốn và lãi tổng cộng là 62.000.000 đồng (Sáu mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày ông K có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà T, ông Đ chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy

định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

* Về án phí:

+ Bà Huỳnh Thị Thu T và ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 3.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo : ông K, bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi Tòa án tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Tiền Giang;*
- *VKSND Huyện Cái Bè;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN TRUNG TÍNH